

NÂNG CAO KỸ NĂNG MỀM SINH VIÊN XÂY DỰNG THEO KINH TẾ LAO ĐỘNG VÀ NHU CẦU DOANH NGHIỆP XÂY DỰNG

Enhance Soft Skills for Construction Students Based on Labor Economics and the needs of Construction Enterprises

Lê Thuý Duyên¹

¹Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, Tây Ninh, Việt Nam
le.duyen@daihoclongan.edu.vn

Tóm tắt — Trong bối cảnh thị trường lao động ngành xây dựng ngày càng cạnh tranh và yêu cầu cao về chất lượng nguồn nhân lực, kỹ năng mềm trở thành yếu tố quan trọng quyết định khả năng thích ứng, hiệu quả làm việc và cơ hội việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp. Nghiên cứu này tiếp cận từ góc độ kinh tế lao động nhằm phân tích khoảng cách giữa kỹ năng mềm của sinh viên và nhu cầu thực tế của doanh nghiệp xây dựng, đồng thời xác định khoảng cách kỹ năng đang tồn tại trên thị trường lao động. Dữ liệu nghiên cứu được thu thập thông qua khảo sát sinh viên và doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng. Kết quả cho thấy các kỹ năng như giao tiếp, làm việc nhóm và giải quyết vấn đề có ảnh hưởng mạnh mẽ đến mức độ đáp ứng yêu cầu công việc của sinh viên. Tuy nhiên, tồn tại chênh lệch khoảng cách đáng kể, giữa năng lực thực tế của sinh viên và yêu cầu từ phía doanh nghiệp đặc biệt ở các kỹ năng mang tính thực tiễn. Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao kỹ năng mềm cho sinh viên, bao gồm tích hợp kỹ năng vào chương trình đào tạo, tăng cường học tập theo dự án và mở rộng hợp tác giữa nhà trường và doanh nghiệp. Những giải pháp này góp phần nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động ngành xây dựng.

Từ khóa — Kỹ năng mềm, sinh viên xây dựng, kinh tế lao động, doanh nghiệp xây dựng.

Abstract — In the context of an increasingly competitive construction labor market with growing demands for high-quality human resources, soft skills have become a crucial factor determining students' adaptability, work performance, and employment opportunities after graduation. This study adopts a labor economics perspective to analyze the gap between construction students' soft skills and the actual requirements of construction enterprises, while also identifying the existing skill gap in the labor market. The research data were collected through surveys of students and enterprises in the construction sector. The results indicate that skills such as communication, teamwork, and problem-solving have a significant impact on students' ability to meet job requirements. However, there remains a considerable gap between students' actual competencies and employers' expectations, particularly in practical skills. Based on the findings, the study proposes several solutions to enhance soft skills for students, including integrating soft skills into the curriculum, promoting project-based learning, and strengthening collaboration between universities and enterprises. These solutions contribute to improving the quality of education and better meeting the demands of the construction labor market.

Keywords — Soft skills, construction students, labor economics, construction enterprises.

1. Giới thiệu

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, nền kinh tế Việt Nam đang chuyển dịch mạnh mẽ theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập toàn cầu. Sự phát triển của khoa học, công nghệ và đặc biệt là cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 đã và đang tác động mạnh mẽ đến mọi lĩnh vực, trong đó có giáo dục đại học và đào tạo nguồn nhân lực.

Đối với ngành xây dựng – lĩnh vực đòi hỏi tính chính xác, sáng tạo và khả năng phối hợp nhóm cao – kỹ năng mềm giữ vai trò cực kỳ quan trọng. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều sinh viên tốt nghiệp ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng

còn yếu về kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, quản lý thời gian và giải quyết vấn đề. Điều này khiến quá trình hội nhập vào môi trường doanh nghiệp và xã hội gặp nhiều khó khăn. Theo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, chất lượng và kỹ năng của nguồn nhân lực Việt Nam tuy đã được cải thiện nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của thị trường lao động; vì vậy việc phát triển kỹ năng mềm cho học sinh, sinh viên được xem là nhiệm vụ quan trọng trong đào tạo hiện nay.

2. Cơ sở lý luận về kỹ năng mềm

2.1. Khái niệm kỹ năng mềm

<https://doi.org/10.63783/dla.2026.023>

Ngày nộp bài: 12/5/2026; Ngày nhận bản chỉnh sửa: 19/6/2026; Ngày duyệt đăng: 25/6/2026

Kỹ năng mềm (Soft Skills) là tập hợp các năng lực phi chuyên môn, bao gồm khả năng giao tiếp, hợp tác, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, tư duy phản biện, sáng tạo, quản lý thời gian và thích ứng với môi trường làm việc. Khác với kỹ năng cứng (Hard Skills) – là những kiến thức chuyên môn có thể đo lường được, kỹ năng mềm thường mang tính cá nhân, xã hội và thái độ nghề nghiệp.

Theo quan điểm của UNESCO (2019), kỹ năng mềm là “những kỹ năng chuyên giao giúp cá nhân thích ứng với thay đổi, giao tiếp hiệu quả và làm việc có năng suất trong bối cảnh toàn cầu hóa”. Tại Việt Nam, Bộ Giáo dục và Đào tạo (2021) định nghĩa kỹ năng mềm là “tổng hợp các kỹ năng xã hội, hành vi và thái độ nghề nghiệp cần thiết để người học thích ứng, phát triển và hội nhập trong môi trường lao động”.

Như vậy, kỹ năng mềm đóng vai trò như cầu nối giữa kiến thức hàn lâm và năng lực thực hành, giúp người học vận dụng hiệu quả tri thức vào thực tiễn nghề nghiệp.

2.2. Phân loại kỹ năng mềm

Tùy theo mục đích nghiên cứu, các học giả chia kỹ năng mềm thành nhiều nhóm khác nhau. Đối với sinh viên khối ngành kỹ thuật, đặc biệt là Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng, kỹ năng mềm có thể được chia thành bốn nhóm cơ bản sau:

+ Kỹ năng giao tiếp và thuyết trình: bao gồm khả năng diễn đạt, lắng nghe, phản hồi và trình bày ý tưởng trước tập thể.

+ Kỹ năng làm việc nhóm và lãnh đạo: giúp cá nhân phối hợp hiệu quả, phân công công việc và tạo động lực cho nhóm.

+ Kỹ năng quản lý thời gian và tư duy phản biện: giúp người học sắp xếp công việc khoa học, ra quyết định nhanh và chính xác.

+ Kỹ năng thích ứng và sáng tạo: thể hiện khả năng linh hoạt, đổi mới, ứng dụng công nghệ và giải pháp mới trong công việc.

2.3. Vai trò của kỹ năng mềm

Kỹ năng mềm là yếu tố quyết định mức độ hội nhập, hiệu quả làm việc và phát triển nghề nghiệp của sinh viên.

Trong lĩnh vực Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng, kỹ năng mềm đóng vai trò cầu nối giữa kiến thức lý thuyết và năng lực thực hành nghề nghiệp. Trong môi trường công trình, sinh viên và kỹ sư phải phối hợp với nhiều bộ phận khác nhau như kiến trúc, cơ khí, điện, nước, vật liệu... Vì vậy, kỹ năng làm việc nhóm, giao tiếp và giải

quyết xung đột là những yếu tố quan trọng quyết định sự thành công của dự án.

Ngoài ra, kỹ năng quản lý thời gian và ra quyết định giúp người kỹ sư tối ưu tiến độ, đảm bảo an toàn và chất lượng công trình.

Kỹ năng mềm giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong:

- **Giao tiếp và phối hợp tại công trường:** Giúp tránh hiểu lầm, đảm bảo tiến độ và an toàn lao động.
- **Làm việc nhóm hiệu quả:** Giúp chia sẻ trách nhiệm, nâng cao năng suất lao động.
- **Giải quyết tình huống thực tế:** Khi xảy ra sự cố, sinh viên có khả năng phân tích và ra quyết định nhanh chóng.
- **Thích ứng với môi trường nghề nghiệp:** Đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của doanh nghiệp và hội nhập quốc tế.

Từ đó, có thể thấy rằng kỹ năng mềm chính là “chiếc cầu nối” giữa tri thức học thuật và năng lực nghề nghiệp thực tế.

2.4. Các nghiên cứu trước đây

Nhiều công trình trong và ngoài nước đã đề cập đến tầm quan trọng của kỹ năng mềm đối với sinh viên kỹ thuật. Theo Schulz (2008), kỹ năng mềm chiếm hơn 75% yếu tố quyết định sự thành công nghề nghiệp, trong khi kỹ năng chuyên môn chỉ chiếm 25%. Tại Việt Nam, các nghiên cứu của Lê Văn Bình (2022), Nguyễn Thị Hạnh (2023) cũng khẳng định sự thiếu hụt kỹ năng mềm là một trong những nguyên nhân khiến sinh viên kỹ thuật khó hòa nhập với thị trường lao động.

2.5. Mối quan hệ giữa kỹ năng mềm và năng lực nghề nghiệp

Kỹ năng mềm không chỉ hỗ trợ mà còn tạo nền tảng cho việc phát triển năng lực nghề nghiệp bền vững.

Một kỹ sư xây dựng có năng lực chuyên môn vững vàng nhưng thiếu kỹ năng giao tiếp, hợp tác hoặc giải quyết vấn đề sẽ gặp nhiều khó khăn trong thực tế công trình.

Do đó, kỹ năng mềm và kỹ năng cứng là hai yếu tố song hành, tương hỗ trong quá trình đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao.

2.6. Thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên ngành xây dựng

Qua khảo sát sơ bộ tại Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An, phần lớn sinh viên ngành xây dựng có kiến thức chuyên môn tốt

nhưng lại hạn chế trong các kỹ năng mềm cơ bản. Một số biểu hiện cụ thể:

- Ngại phát biểu, thiếu tự tin trong giao tiếp.
- Chưa chủ động làm việc nhóm, thường chờ sự chỉ đạo của người khác.
- Gặp khó khăn khi thuyết trình hoặc giải quyết mâu thuẫn.
- Thiếu kỹ năng quản lý thời gian và định hướng nghề nghiệp.

Nguyên nhân chủ yếu đến từ:

1. Chương trình đào tạo còn nặng lý thuyết, ít hoạt động trải nghiệm.
2. Giảng viên chưa được bồi dưỡng phương pháp giảng dạy kỹ năng mềm.
3. Sinh viên chưa nhận thức được tầm quan trọng của kỹ năng mềm.
4. Thiếu sự phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo thực hành.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Phương pháp nghiên cứu được xây dựng nhằm:

- Đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng tại Trường Đại học Kinh tế Công nghiệp Long An.
- Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình hình thành và phát triển kỹ năng mềm.
- Đề xuất các nhóm giải pháp khả thi giúp nâng cao năng lực kỹ năng mềm cho sinh viên, phù hợp với yêu cầu của thị trường lao động hiện nay.

3.2. Câu hỏi nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu trên, nghiên cứu tập trung trả lời câu hỏi chính:

1. Thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng hiện nay như thế nào?
2. Những yếu tố nào tác động đến quá trình rèn luyện kỹ năng mềm của sinh viên?
3. Các giải pháp nào có thể áp dụng hiệu quả trong môi trường đại học để nâng cao kỹ năng mềm?
4. Những kỹ năng mềm nào được các doanh nghiệp xây dựng ưu tiên tuyển dụng đối với sinh viên mới tốt nghiệp ngành Công

nghệ Kỹ thuật Xây dựng?

5. Mức độ đáp ứng của sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng đối với yêu cầu kỹ năng mềm của doanh nghiệp hiện nay ra sao?
6. Có sự khác biệt nào giữa yêu cầu kỹ năng mềm của doanh nghiệp xây dựng và kỹ năng mềm mà sinh viên đang được đào tạo tại trường đại học?
7. Việc sở hữu kỹ năng mềm tốt ảnh hưởng như thế nào đến cơ hội việc làm, mức thu nhập và khả năng thăng tiến của sinh viên sau khi tốt nghiệp?
8. Các hoạt động học tập, thực tập và trải nghiệm thực tế hiện nay đã hỗ trợ sinh viên phát triển kỹ năng mềm ở mức độ nào?
9. Vai trò của nhà trường, giảng viên và doanh nghiệp trong việc hình thành và phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên ngành xây dựng là gì?
10. Mô hình liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp cần được xây dựng như thế nào để nâng cao hiệu quả đào tạo kỹ năng mềm cho sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng?

3.3. Mô hình nghiên cứu

(1) Đề xuất mô hình nghiên cứu

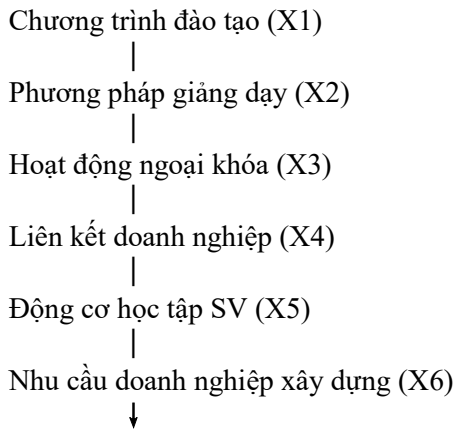
Biến phụ thuộc (Y): Mức độ đáp ứng kỹ năng mềm của sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng đối với nhu cầu doanh nghiệp xây dựng.

Các biến độc lập (X)

- X1: Chương trình đào tạo tích hợp kỹ năng mềm trong học phần, nội dung đào tạo gắn với thực tiễn doanh nghiệp.
- X2: Phương pháp giảng dạy học theo dự án (Project-based learning). Thảo luận nhóm, thuyết trình, giải quyết tình huống.
- X3: Hoạt động ngoại khóa và đoàn thể, câu lạc bộ chuyên môn, hoạt động xã hội, tình nguyện.
- X4: Sự liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp, thực tập nghề nghiệp, tham quan công trường, doanh nghiệp tham gia đào tạo.
- X5: Nhận thức và động cơ học tập của sinh viên, ý thức tự rèn luyện, nhu cầu phát triển nghề nghiệp.

- X6: Yêu cầu của thị trường lao động xây dựng, kỳ vọng của nhà tuyển dụng, xu hướng kỹ năng trong ngành xây dựng.

(2) Mô hình nghiên cứu đề xuất



Mức độ đáp ứng kỹ năng mềm của sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng đối với nhu cầu doanh nghiệp xây dựng (Y).

(3) Các giả thuyết nghiên cứu

H1: Chương trình đào tạo có tác động tích cực đến kỹ năng mềm của sinh viên.

H2: Phương pháp giảng dạy có tác động tích cực đến kỹ năng mềm của sinh viên.

H3: Hoạt động ngoại khóa có tác động tích cực đến kỹ năng mềm của sinh viên.

H4: Sự liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp có tác động tích cực đến kỹ năng mềm của sinh viên.

H5: Động cơ học tập và tự rèn luyện của sinh viên có tác động tích cực đến kỹ năng mềm.

H6: Nhu cầu doanh nghiệp xây dựng ảnh hưởng đến định hướng phát triển kỹ năng mềm của sinh viên.

3.4. Phương pháp tiếp cận

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tiếp cận hỗn hợp (Mixed Methods), kết hợp giữa định tính và định lượng.

- Tiếp cận định lượng nhằm thu thập dữ liệu khảo sát từ sinh viên, đo lường mức độ thành thạo và tầm quan trọng của từng kỹ năng mềm.
- Tiếp cận định tính nhằm khai thác sâu nhận thức, thái độ và kinh nghiệm của giảng viên, doanh nghiệp đối với việc đào tạo kỹ năng mềm.

3.5. Thiết kế nghiên cứu

Bảng 1. Quy trình thiết kế nghiên cứu

Giai đoạn	Nội dung	Kết quả
1	Tổng hợp tài liệu, xác định cơ sở lý luận và mô hình nghiên cứu	Xây dựng khung lý thuyết và bộ chỉ tiêu khảo sát
2	Khảo sát và phỏng vấn sinh viên, giảng viên, doanh nghiệp	Thu thập dữ liệu định lượng và định tính
3	Phân tích dữ liệu, rút ra kết luận và đề xuất giải pháp	Báo cáo kết quả, đề xuất khuyến nghị

3.6. Phương pháp thu thập dữ liệu

a) Nghiên cứu tài liệu

Thu thập, phân tích các công trình nghiên cứu, giáo trình, báo cáo của Bộ GD&ĐT, UNESCO, và các trường đại học trong và ngoài nước liên quan đến đào tạo kỹ năng mềm.

b) Khảo sát bảng hỏi

- Đối tượng: 100 sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng, thuộc các khóa 2021–2025.
- Công cụ: Bảng câu hỏi gồm 25 chỉ báo, chia thành 5 nhóm kỹ năng (Giao tiếp, Làm việc nhóm, Giải quyết vấn đề, Quản lý thời gian, Thích ứng – Sáng tạo).
- Thang đo: Thang Likert 5 mức độ (1 – Rất yếu đến 5 – Rất tốt).
- Hình thức: Khảo sát trực tuyến qua Google Form và trực tiếp tại lớp học.

c) Phỏng vấn sâu

Phỏng vấn 10 giảng viên, 5 cán bộ doanh nghiệp trong lĩnh vực xây dựng để thu thập ý kiến chuyên gia về yêu cầu kỹ năng mềm đối với sinh viên khi ra trường.

d) Bảng kết quả khảo sát

Bảng 2. Đánh giá kỹ năng mềm của sinh viên (tự đánh giá)

Kỹ năng	Tốt (%)	Trung bình (%)	Yếu (%)
Giao tiếp	22	55	23
Làm việc nhóm	28	50	22
Quản lý thời gian	18	52	30
Giải quyết vấn đề	20	58	22
Thuyết trình	15	45	40

Nhận xét:

- Kỹ năng thuyết trình và quản lý thời gian là yếu nhất.

- Phần lớn sinh viên ở mức trung bình, thiếu sự nổi bật khi đi làm.

Bảng 3. Mức độ quan trọng của kỹ năng mềm (doanh nghiệp đánh giá)

Kỹ năng	Rất quan trọng (%)
Giao tiếp	90
Làm việc nhóm	85
Giải quyết vấn đề	88
Quản lý thời gian	80
Thích nghi môi trường	92

Nhận xét:

- Doanh nghiệp đánh giá rất cao kỹ năng mềm (>80%).
- Có sự **chênh lệch lớn** giữa yêu cầu và năng lực sinh viên.

Bảng 4. Năng lực sinh viên và yêu cầu doanh nghiệp

Kỹ năng	Sinh viên (%)	Doanh nghiệp yêu cầu (%)
Giao tiếp	22	90
Làm việc nhóm	28	85
Giải quyết vấn đề	20	88
Quản lý thời gian	18	80

Nhận xét:

- Khoảng cách kỹ năng từ 50–70%.
- Đây là nguyên nhân chính khiến sinh viên khó đáp ứng công việc thực tế.

Bảng 5. Nguyên nhân thiếu kỹ năng mềm

Nguyên nhân	Tỷ lệ (%)
Thiếu thực hành thực tế	65
Ít hoạt động nhóm	58
Chương trình nặng lý thuyết	72
Thiếu kỹ năng tự học	55
Ít tiếp xúc doanh nghiệp	60

Kết luận: Nguyên nhân lớn nhất là **chương trình đào tạo chưa gắn thực tế.**

3.7. Phương pháp xử lý và phân tích dữ liệu

Bảng 6. Các phương pháp phân tích dữ liệu sử dụng trong nghiên cứu

Phương pháp	Mục đích
Thống kê mô tả	Đánh giá đặc điểm mẫu khảo sát và thực trạng kỹ năng mềm
Cronbach's Alpha	Kiểm định độ tin cậy của thang đo
KMO và Bartlett	Kiểm tra sự phù hợp của dữ liệu cho EFA
EFA	Rút gọn và xác định các nhân tố ảnh hưởng
Hồi quy tuyến tính đa biến	Đánh giá mức độ tác động của các nhân tố đến

	kỹ năng mềm
Hồi quy tuyến tính đa biến	Xác nhận các mối quan hệ trong mô hình nghiên cứu

Dữ liệu khảo sát được xử lý bằng phần mềm Microsoft Excel, phần mềm IBM SPSS:

- Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để đo lường mức độ đánh giá của người trả lời đối với các biến quan sát.
- Quá trình phân tích dữ liệu được thực hiện theo các bước sau:
- Thống kê mô tả: Phân tích các đặc điểm của mẫu khảo sát như giới tính, khóa học, kinh nghiệm thực tập và các thông tin liên quan; đồng thời xác định giá trị trung bình, độ lệch chuẩn của các biến nghiên cứu nhằm đánh giá thực trạng kỹ năng mềm của sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng.
- Kiểm định độ tin cậy thang đo bằng hệ số Cronbach's Alpha: Các thang đo được đánh giá độ tin cậy thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Các biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item – Total Correlation) nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại bỏ. Thang đo được chấp nhận khi hệ số Cronbach's Alpha đạt từ 0,7 trở lên.
- Phân tích nhân tố khám phá (EFA): Sau khi kiểm định độ tin cậy, các biến quan sát được đưa vào phân tích nhân tố khám phá nhằm đánh giá giá trị hội tụ và giá trị phân biệt của thang đo. Điều kiện thực hiện EFA gồm hệ số KMO lớn hơn 0,5; kiểm định Bartlett có mức ý nghĩa Sig. < 0,05; hệ số tải nhân tố (Factor Loading) lớn hơn 0,5 và tổng phương sai trích đạt từ 50% trở lên.
- Phân tích hồi quy tuyến tính đa biến: Các nhân tố được rút trích từ EFA được sử dụng làm biến độc lập trong mô hình hồi quy nhằm xác định mức độ ảnh hưởng của các yếu tố đến việc phát triển kỹ năng mềm của sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng theo nhu cầu doanh nghiệp xây dựng. Mô hình được kiểm định thông qua hệ số xác định R², kiểm định F, kiểm định t và mức ý nghĩa Sig. < 0,05.
- Kiểm định các giả thuyết nghiên cứu: Kết quả hồi quy được sử dụng để đánh giá mức độ chấp nhận hoặc bác bỏ các giả thuyết nghiên cứu đã đề xuất, từ đó làm cơ sở đề xuất các giải pháp nâng cao kỹ

năng mềm cho sinh viên đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động và doanh nghiệp

3.8. Phương pháp chuyên gia

Bên cạnh khảo sát sinh viên, nhóm nghiên cứu còn xin ý kiến của 5 chuyên gia gồm:

- 2 giảng viên giàu kinh nghiệm trong giảng dạy kỹ năng mềm.
- 2 chuyên gia nhân sự thuộc doanh nghiệp xây dựng.
- 1 chuyên viên phụ trách hợp tác doanh nghiệp của trường.

Các chuyên gia tham gia đánh giá mức độ khả thi và tính thực tiễn của từng nhóm giải pháp được đề xuất trong nghiên cứu.

4. Kết quả nghiên cứu

Kết quả tổng hợp cho thấy kỹ năng mềm của sinh viên kỹ thuật nói chung và sinh viên xây dựng nói riêng vẫn ở mức trung bình. Mặc dù nhiều trường đã nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề, song các hoạt động đào tạo kỹ năng mềm vẫn mang tính hình thức, chưa gắn kết chặt chẽ với chương trình học.

4.1 Các kỹ năng mềm cốt lõi cần thiết cho sinh viên ngành xây dựng

Kỹ năng giao tiếp: giúp truyền đạt ý tưởng, phối hợp công việc và thương lượng hiệu quả.

Kỹ năng làm việc nhóm: công trình xây dựng luôn là sản phẩm của tập thể, đòi hỏi sự phối hợp nhịp nhàng.

Kỹ năng giải quyết vấn đề và tư duy phản biện: cần thiết khi xử lý các tình huống kỹ thuật phát sinh.

Kỹ năng quản lý thời gian và áp lực: hỗ trợ sinh viên làm việc hiệu quả trong môi trường nhiều hạn định.

Kỹ năng thích ứng và học hỏi: giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận công nghệ và quy trình mới.

4.2. Nguyên nhân hạn chế kỹ năng mềm của sinh viên

Chương trình học nặng lý thuyết, ít hoạt động trải nghiệm.

Giảng viên tập trung truyền đạt kiến thức chuyên môn.

Thiếu sự phối hợp giữa nhà trường và doanh nghiệp trong đào tạo thực hành.

Sinh viên chưa chủ động rèn luyện kỹ năng ngoài lớp học.

xây dựng.

5. Giải pháp nâng cao kỹ năng mềm

5.1. Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập

Áp dụng phương pháp học tập chủ động (Active Learning), khuyến khích sinh viên thảo luận, thuyết trình, phản biện.

Lồng ghép rèn luyện kỹ năng mềm vào các học phần chuyên môn.

Tăng cường các mô phỏng tình huống thực tế trong giảng dạy.

Đưa nội dung kỹ năng mềm vào các học phần chuyên ngành như “Tổ chức thi công”, “An toàn lao động”, “Quản lý dự án”.

5.2. Xây dựng môi trường học tập trải nghiệm

- Thành lập các câu lạc bộ kỹ năng mềm, nhóm học tập, hoặc dự án cộng đồng.
- Tạo không gian để sinh viên tự do thể hiện, thử nghiệm và học hỏi qua trải nghiệm.
- Khen thưởng sinh viên có thành tích nổi bật trong các hoạt động kỹ năng.

5.3. Liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo kỹ năng mềm

- Hợp tác với doanh nghiệp trong các khóa huấn luyện kỹ năng mềm thực tế.
- Tổ chức chương trình thực tập có hướng dẫn, giúp sinh viên cọ xát môi trường làm việc thật.
- Mời chuyên gia doanh nghiệp tham gia giảng dạy kỹ năng giao tiếp, quản lý dự án, an toàn lao động...

5.4. Ứng dụng công nghệ trong đào tạo

- Sử dụng E-learning, video tình huống, mô phỏng 3D giúp sinh viên rèn luyện qua trải nghiệm ảo.
- Tổ chức khóa học trực tuyến về kỹ năng mềm ...
- Khuyến khích sinh viên tự học, chia sẻ kiến thức qua diễn đàn học tập.

5.5. Nâng cao nhận thức và thái độ học tập của sinh viên

- Giúp sinh viên hiểu rõ vai trò của kỹ năng mềm đối với nghề nghiệp.

- Lồng ghép nội dung kỹ năng mềm vào hoạt động định hướng tân sinh viên.
- Tổ chức hội thảo, tọa đàm, talkshow “Kỹ năng mềm – chìa khóa thành công”.

6. Kết luận và kiến nghị

Kỹ năng mềm là yếu tố không thể tách rời trong đào tạo sinh viên ngành Công nghệ Kỹ thuật Xây dựng. Để đáp ứng nhu cầu xã hội và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, các trường đại học cần tích cực đổi mới phương pháp đào tạo, tạo môi trường rèn luyện thực tế và gắn kết doanh nghiệp trong quá trình huấn luyện.

Kiến nghị:

- Nhà trường cần xây dựng chương trình đào tạo kỹ năng mềm chính khóa hoặc tự chọn.
- Giảng viên nên được bồi dưỡng phương pháp sư phạm tích hợp kỹ năng mềm.
- Sinh viên cần chủ động tham gia hoạt động ngoại khóa để phát triển toàn diện.
- Việc thực hiện đồng bộ các giải pháp trên sẽ góp phần hình thành thể hệ kỹ sư xây dựng không chỉ giỏi chuyên môn mà còn tự tin, năng động, sẵn sàng hội nhập quốc tế.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] H. V. Hùng, *Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong ngành xây dựng Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Xây dựng, 2023.
- [2] T. N. Bình, “Nhu cầu nhân lực và kỹ năng trong doanh nghiệp xây dựng Việt Nam,” *Tạp chí Xây dựng*, Bộ Xây dựng, 2020.
- [3] L. T. Luyện, “Chuẩn đầu ra và phát triển kỹ năng cho sinh viên đại học,” *Tạp chí Giáo dục*, số đặc biệt, pp. 245–250, 2022.
- [4] UNESCO, *Khung đánh giá các kỹ năng toàn cầu*. Paris, Pháp: Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc, 2019.
- [5] “The Importance of Soft Skills: Education beyond academic knowledge,” *NAWA Journal of Language and Communication*, 2008.
- [6] L. V. Bình, “Quản lý hoạt động giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên tại các trường đại học”. Luận án Tiến sĩ Khoa học Giáo dục, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, 2022.
- [7] N. T. Hạnh, “Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên kỹ thuật đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động thời kỳ số,” *Tạp chí Giáo dục*, vol. 23, no. 4, pp. 45–50, 2023.
- [8] T. V. Thọ, *Thị trường lao động và phát triển nguồn nhân lực ở Việt Nam*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Đại học Kinh tế Quốc dân, 2016.
- [9] L. T. M. Châu, “Phát triển kỹ năng mềm cho sinh viên đại học Việt Nam hiện nay,” *Tạp chí Giáo dục*, no. 480, pp. 45–50, 2020.
- [10] N. T. K. Dung, *Giáo dục kỹ năng mềm cho sinh viên trong bối cảnh hội nhập quốc tế*. Hà Nội, Việt Nam: NXB Lao động – Xã hội, 2018.
- [11] N. T. T. Hiền, *Kỹ năng giao tiếp trong hoạt động nghề nghiệp*. TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam: NXB Đại học Nông Lâm TP.HCM, 2017.